TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/01/2021
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thành Chiến

Ông Dương Văn Đến

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh** tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Anh Phạm Hải B, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị với anh B trước khi tiến đến hôn nhân có tìm hiểu nhau được khoảng 02 tháng thấy hai bên hợp nhau nên chị và anh B tự nguyện tiến đến hôn nhân, nhưng do hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, nên chỉ về sống chung với nhau, không có tổ chức lễ cưới. Đến khoảng 2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song L. Sau khi về sống với nhau vợ chồng chị sống tại xã Song L và đi thuê. Vợ

chồng chị sống không có thời gian nào hạnh phúc trọn vẹn, đến thời gian gần đây là hơn 01 năm thì vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh anh B ghen tuông vô cớ, dùng những lời nói khiếm nhã xúc phạm đến chị nhiều lần. Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắng được, vì trước đây chị cũng đã có nhiều lần cho anh B cơ hội sửa sai, nhưng anh B không sửa sai mà vẫn tiếp diễn. Nếu vợ chồng tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Đ yêu cầu được ly hôn anh Phạm Hải B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/4/2002 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004, đối với Nguyễn Thị H đã trưởng thành có gia đình, nên không yêu cầu gì, do Nguyễn Thị Th có nguyện vọng được sống chung với anh B, nên chị Đ đồng ý giao cháu Th cho anh B nuôi con, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Theo lời khai của bị đơn cũng như tại phiên tòa hôm, bị đơn anh Phạm Hải B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như vợ anh là chị Nguyễn Thị Đ trình bày, vợ chồng anh tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song L. Còn về mâu thuẫn thì đúng như chị Đ trình bày, anh B thừa nhận có ghen tuông, có nói những lời nói khó nghe xúc phạm đến chị Đ, nhưng cũng chỉ vì anh quá thương vợ, nên anh mới có lời nói như vậy, anh B thừa nhận có đánh vợ 2-3 lần. Nay anh B biết nói và hành động như vậy với vợ là sai trái. Anh B gửi lời xin lỗi vợ, cho anh cơ hội sửa sai để hai vợ chồng về sống chung với nhau. Anh B khai còn thương chị Đ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

Về con chung: Anh với chị Đ có 02 người con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/4/2002 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004, cháu H đã trưởng thành có gia đình, không yêu cầu gì. Nếu Tòa án giải quyết cho anh với chị Đ ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thị Th, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Cháu Nguyễn Thị Th xin vắng mặt nhưng có văn bản gửi Tòa án là có nguyện vọng được sống chung với anh Phạm Hải B.

***** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự

- Đối với việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Phạm Hải B

Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004 cho anh Phạm Hải B nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Th được sống chung với anh B). Anh Phạm Hải B không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B thống nhất, nên không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Phạm Hải B, trú tại ấp Phú Kh, xã Song L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chị Đ đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004 cho anh Phạm Hải B nuôi dưỡng, về tài sản, nợ chung chị Đ và anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là "tranh chấp về ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song L vào năm 2011, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Phạm Hải B nghi ngờ chị Nguyễn Thị Đ không chung thủy, thường xuyên dùng những lời lẽ khiếm nhã xúc phạm đến chị Đ và đánh đập chị Đ, mặc dù chị Đ đã có nhiều lần giải thích nhưng anh B không sửa sai, mà nhiều lần xúc phạm đến chị Đ, hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh vụ việc, theo chính quyền địa phương cho biết chị Đ với anh B mâu thuẫn như thế

nào thì chính quyền địa phương không biết được, nay họ có yêu cầu ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, về con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của người con.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên anh B không tin tưởng chị Đ chung thủy, nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm và đánh chị Đ làm cho mâu thuẫn vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã bỏ mặt nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong khoản thời gian này hai người không hề cùng nhau thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng và thể hiện qua các phiên làm việc, hòa giải tại Tòa án chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Phạm Hải B.

Về con chung: Chị Đ và anh B cùng khai có với nhau có 02 người con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/4/2002 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004, cháu H đã trưởng thành đã có gia đình. Đối với cháu Th có văn bản nêu nguyện vọng được sống chung với anh B. Chị Đ và anh B cũng thống nhất sau khi ly hôn anh B sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th. Sự thỏa thuận này của chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004 cho anh B nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử có giải thích cho anh B biết có quyền yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng anh Phạm Hải B vẫn không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bằng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Phạm Hải B.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B được ly hôn.

Về con chung: Giao cho cho anh Phạm Hải B được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25/01/2004.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Hải B không yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của chung, khi cần thiết và có yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như quyết định phần cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hải B cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001500 ngày 09/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Như vậy chị Nguyễn Thị Đ đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phú Hiệp

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Song L;
- Lưu;